



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 28.8554 645 - 28.8553 118
- Fax: (84) 28.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tù, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tù, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, son; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
-------------	---------	------------------	--------------

### Công ty con

Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%
----------------------------------	--	----------	--------

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 276 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 11/11/2016
Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
Bà Lê Thị Phương Hào	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015

### Ban Kiểm soát

Bà Lê Phương Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Vũ Văn Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
Bà Nguyễn Thị Nhó	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 11/11/2016
Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

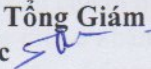

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc   
  
Tư Trung Đan  
TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 871/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được lập ngày 09/08/2017 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 35.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

**AAC**

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2017

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội/Trang 4  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>138.160.447.128</b>	<b>90.292.916.138</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.580.810.057</b>	<b>15.905.852.717</b>
1. Tiền	111		2.435.806.551	5.742.766.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.145.003.506	10.163.086.464
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.109.959.904</b>	<b>2.054.900.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.109.959.904	2.054.900.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.952.250.629</b>	<b>33.147.503.556</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	64.588.852.266	33.062.138.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.115.816.106	130.351.416
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		20.000.000	-
4. Các khoản phải thu khác	136	9	516.659.953	359.046.049
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(366.339.432)	(404.031.974)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		77.261.736	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>65.525.372.126</b>	<b>37.478.837.026</b>
1. Hàng tồn kho	141		66.445.122.325	38.198.521.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(919.750.199)	(719.684.660)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>992.054.412</b>	<b>1.705.822.839</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	992.054.412	1.450.193.760
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	255.629.079
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>53.970.690.690</b>	<b>53.910.468.750</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.256.950</b>	<b>36.256.950</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		53.256.950	36.256.950
2. Phải thu dài hạn khác	216		6.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.510.393.227</b>	<b>41.922.056.780</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	40.492.198.778	41.898.862.333
- Nguyên giá	222		61.481.540.888	60.970.971.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.989.342.110)	(19.072.108.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	18.194.449	23.194.447
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.805.551)	(6.805.553)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.958.757.595</b>	<b>2.763.636.365</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.958.757.595	2.763.636.365
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.952.282.918</b>	<b>8.698.518.655</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	9.916.929.382	8.657.104.513
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35.353.536	41.414.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>192.131.137.818</b>	<b>144.203.384.888</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>86.481.218.149</b>	<b>37.999.336.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>86.481.218.149</b>	<b>37.999.336.057</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	64.525.613.172	16.576.640.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		600.606.566	225.303.474
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	725.521.374	448.235.985
4. Phải trả người lao động	314		5.050.342.650	3.308.344.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.207.000.685	1.860.063.444
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		589.147.080	1.015.210.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	681.723.572	499.343.757
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	12.468.504.210	9.547.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		632.758.840	4.519.194.483
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.649.919.669</b>	<b>106.204.048.831</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>105.649.919.669</b>	<b>106.204.048.831</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	5.795.214.815	5.795.214.815
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	18.543.624.132	18.543.624.132
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	8.059.158.586	8.554.883.926
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.165.503.865	1.125.618.427
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.893.654.721	7.429.265.499
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.834.925.912	2.893.329.734
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>192.131.137.818</b>	<b>144.203.384.888</b>



Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	172.158.391.520	155.554.278.156
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	557.026.913	389.877.395
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		171.601.364.607	155.164.400.761
4. Giá vốn hàng bán	11	25	135.998.655.569	125.596.818.978
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>35.602.709.038</b>	<b>29.567.581.783</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	444.483.368	383.768.442
7. Chi phí tài chính	22	27	607.436.840	1.553.195.723
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		607.381.826	1.136.076.151
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(258.693.389)
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	12.669.061.950	10.038.608.214
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	15.053.010.228	11.420.802.675
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.717.683.388</b>	<b>6.680.050.224</b>
12. Thu nhập khác	31	29	298.157.109	253.376.533
13. Chi phí khác	32	30	2.438.231	249.118
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>295.718.878</b>	<b>253.127.415</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8.013.402.266</b>	<b>6.933.177.639</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	804.641.514	842.891.576
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.060.606	6.060.606
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>7.202.700.146</b>	<b>6.084.225.457</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		6.893.654.721	5.924.472.819
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		309.045.425	159.752.638
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.217	1.046
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.217	1.046



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.013.402.266	6.933.177.639
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	2.013.398.091	1.729.087.956
- Các khoản dự phòng	03		162.372.997	40.543.328
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.199	(8.137)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(190.266.086)	24.539.959
- Chi phí lãi vay	06		607.381.826	1.136.076.151
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		10.606.314.293	9.863.416.896
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.856.827.446)	(21.776.470.753)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.246.600.639)	(34.668.659.695)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		49.168.413.505	40.502.740.927
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	(801.685.521)	(582.164.325)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(600.622.769)	(1.126.089.935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(72.842.765)	(426.143.920)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	78.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.975.275.951)	(4.225.988.395)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(6.736.127.293)</b>	<b>(12.361.159.200)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(945.728.953)	(7.475.650.348)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.059.904)	(2.051.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		8.000.000	34.200.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	380.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222.133.479	286.250.592
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(815.655.378)</b>	<b>(8.806.199.756)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	39.936.988.825	55.595.652.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(37.015.484.615)	(44.525.282.220)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.694.739.000)	(7.690.159.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(4.773.234.790)</b>	<b>3.380.210.918</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(12.325.017.461)</b>	<b>(17.787.148.038)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5	<b>15.905.852.717</b>	<b>21.132.017.283</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.199)	8.137
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>3.580.810.057</b>	<b>3.344.877.382</b>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### 1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

#### Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### **Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### **Dự phòng**

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### 4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.13 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

#### ***Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ***

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông***

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2016
Tiền mặt	425.565.692	186.611.340
Tiền gửi ngân hàng	2.010.240.859	5.556.154.913
Các khoản tương đương tiền	1.145.003.506	10.163.086.464
<b>Cộng</b>	<b>3.580.810.057</b>	<b>15.905.852.717</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.109.959.904	-	2.054.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.109.959.904</b>	<b>-</b>	<b>2.054.900.000</b>	<b>-</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017				01/01/2017	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty CP DVXB Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	1.342.521.400	1.459.664.333
Công ty CP Sách Giáo Dục TP Hồ Chí Minh	1.612.598.804	-
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	490.330.157	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	378.505.858	395.771.099
Công ty CP Học Liệu	147.707.659	270.297.213
Các đối tượng khác	60.617.188.388	30.709.550.071
<b>Cộng</b>	<b>64.588.852.266</b>	<b>33.062.138.065</b>

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo Dục TPHCM	Chung công ty đầu tư	1.612.598.804	-
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	1.342.521.400	1.459.664.333
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	45.629.099	111.033.894
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	490.330.157	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	378.505.858	395.771.099
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	147.707.659	270.297.213

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	800.572.500	-
Các đối tượng khác	315.243.606	130.351.416
<b>Cộng</b>	<b>1.115.816.106</b>	<b>130.351.416</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	22.377.741	-	54.245.134	-
Tạm ứng	435.629.607	-	160.974.067	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN, BHXH	31.172.507	(28.521.257)	31.312.907	(28.521.257)
Phải thu khác	17.480.098	(16.217.990)	102.513.941	(16.217.990)
<b>Cộng</b>	<b>516.659.953</b>	<b>(44.739.247)</b>	<b>359.046.049</b>	<b>(44.739.247)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(298.000.432)	(315.292.932)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(32.082.050)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(18.934.273)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(36.256.950)	(69.804.769)
<b>Cộng</b>	<b>(366.339.432)</b>	<b>(404.031.974)</b>

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.867.319.784	(39.433.380)	7.145.285.040	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.392.468.469	-	2.647.759.383	-
Thành phẩm	11.512.096.931	(95.814.742)	9.872.349.705	(665.226)
Hàng hóa	44.673.237.141	(784.502.077)	18.533.127.558	(719.019.434)
<b>Cộng</b>	<b>66.445.122.325</b>	<b>(919.750.199)</b>	<b>38.198.521.686</b>	<b>(719.684.660)</b>

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2017 là 2.094.117.109 đồng.

Tại thời điểm 30/06/2017, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	46.662.579	76.883.559
Chi phí ngoại khóa	-	310.186.700
Chi phí sửa chữa	267.903.820	430.380.931
Chi phí bảo hiểm	72.194.464	118.588.190
Chi phí trả trước khác	605.293.549	514.154.380
<b>Cộng</b>	<b>992.054.412</b>	<b>1.450.193.760</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Dài hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	457.048.735	442.842.066
Sửa chữa, chi phí phân bổ 223 Nguyễn Tri Phương	1.111.160.270	83.883.609
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	-	27.666.674
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	23.380.412	37.408.664
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	646.761.534	195.841.931
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.482.320.199	7.577.033.115
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	133.343.069	194.886.023
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.915.163	97.542.431
<b>Cộng</b>	<b>9.916.929.382</b>	<b>8.657.104.513</b>

(\*) Thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055. Đến thời điểm 30/06/2017, Quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank – CN Bình Tây.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	43.455.848.317	9.631.585.287	6.760.034.421	1.123.503.005	60.970.971.030
Tăng trong kỳ	-	-	423.961.818	-	423.961.818
Đầu tư XDCB HT	177.772.720	-	-	-	177.772.720
Th.lý, nhượng bán	-	-	-	91.164.680	91.164.680
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>43.633.621.037</b>	<b>9.631.585.287</b>	<b>7.183.996.239</b>	<b>1.032.338.325</b>	<b>61.481.540.888</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	10.109.524.896	5.700.310.749	2.470.825.379	791.447.673	19.072.108.697
Tăng trong kỳ	786.341.338	662.645.196	465.282.807	94.128.752	2.008.398.093
T/lý, nhượng bán	-	-	-	91.164.680	91.164.680
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.895.866.234</b>	<b>6.362.955.945</b>	<b>2.936.108.186</b>	<b>794.411.745</b>	<b>20.989.342.110</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	33.346.323.421	3.931.274.538	4.289.209.042	332.055.332	41.898.862.333
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.737.754.803</b>	<b>3.268.629.342</b>	<b>4.247.888.053</b>	<b>237.926.580</b>	<b>40.492.198.778</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2017 là 16.263.645.887 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 2.952.234.351 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Mua trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	6.805.553	6.805.553
Khấu hao trong kỳ	4.999.998	4.999.998
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.805.551</b>	<b>11.805.551</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	23.194.447	23.194.447
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.194.449</b>	<b>18.194.449</b>

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017	01/01/2017
Công trình 223 Nguyễn Tri Phương	-	454.545.455
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	490.909.091	490.909.091
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	2.467.848.504	1.818.181.819
<b>Cộng</b>	<b>2.958.757.595</b>	<b>2.763.636.365</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	6.424.084.501	445.923.195
Công ty CP DV XBGD Gia Định	1.580.849.200	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	32.722.697.455	274.177.439
Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển GD Hà Nội	2.295.478.920	4.174.320
Các đối tượng khác	21.502.503.096	13.307.507.084
<b>Cộng</b>	<b>64.525.613.172</b>	<b>16.576.640.738</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	6.424.084.501	445.923.195
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	27.717.026
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	582.800	582.800
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	66.456.510	45.785.780
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.580.849.200	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	32.722.697.455	274.177.439
Công ty CP ĐT và PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.295.478.920	4.174.320

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	199.384.186	-	358.802.716	454.741.299	103.445.603	-
Thuế nhập khẩu	-	-	2.755.924	2.755.924	-	-
Thuế TNDN	-	238.119.479	804.641.514	72.842.765	493.679.270	-
Thuế TNCN	248.851.799	-	554.057.831	674.513.129	128.396.501	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	17.509.600	2.718.938.502	2.701.428.902	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>448.235.985</b>	<b>255.629.079</b>	<b>4.450.196.487</b>	<b>3.917.282.019</b>	<b>725.521.374</b>	<b>-</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	965.005.429	1.746.525.444
Trích trước lãi vay	6.759.057	-
Trích trước chi phí khác	235.236.199	113.538.000
<b>Cộng</b>	<b>1.207.000.685</b>	<b>1.860.063.444</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	16.522.740	10.826.200
Cổ tức phải trả	46.967.557	30.717.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	618.233.275	457.800.000
- Tài sản thừa chờ xử lý	100.233.275	-
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	518.000.000	457.800.000
<b>Cộng</b>	<b>681.723.572</b>	<b>499.343.757</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>				
- Vay cá nhân (i)	9.547.000.000	-	4.650.000.000	4.897.000.000
- Vietcombank CN Bình Tây (ii)	-	27.936.988.825	20.365.484.615	7.571.504.210
- NH TMCP Công thương CN 5	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.547.000.000</b>	<b>39.936.988.825</b>	<b>37.015.484.615</b>	<b>12.468.504.210</b>

- (i) Vay các cá nhân theo các hợp đồng vay tín chấp thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay (không cao hơn lãi suất vay NH thương mại cùng thời điểm).
- (ii) Vay ngắn hạn Vietcombank – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 290B16 ngày 26/07/2016. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 1, phần lô CN3, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, thị xã Thủ Dầu 1, Tỉnh Bình Dương.

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.144.921.943	17.893.331.260	8.516.660.205
Tăng trong năm	-	-	650.292.872	650.292.872	12.371.491.326
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.333.267.605
<b>Số tại 31/12/2016</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>5.795.214.815</b>	<b>18.543.624.132</b>	<b>8.554.883.926</b>
Số tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.795.214.815	18.543.624.132	8.554.883.926
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.893.654.721
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.389.380.061
<b>Số tại 30/06/2017</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>5.795.214.815</b>	<b>18.543.624.132</b>	<b>8.059.158.586</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.554.883.926	8.516.660.205
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	6.893.654.721	5.924.472.819
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.389.380.061	7.391.041.778
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.191.061	25.852.778
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>8.059.158.586</b>	<b>7.050.091.246</b>

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017	01/01/2016
Ngoại tệ (USD)	499,62	501,27

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	90.974.759.981	86.584.511.300
Doanh thu thiết bị giáo dục	69.032.025.905	59.744.675.611
Doanh thu hoạt động dạy học	12.007.741.999	9.033.127.614
Doanh thu khác	143.863.635	191.963.631
<b>Cộng</b>	<b>172.158.391.520</b>	<b>155.554.278.156</b>

**24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	557.026.913	389.877.395
<b>Cộng</b>	<b>557.026.913</b>	<b>389.877.395</b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách và sản phẩm in	82.127.212.835	76.883.563.413
Giá vốn thiết bị giáo dục	45.887.537.963	42.245.903.081
Giá vốn hoạt động dạy học	7.656.120.916	6.123.216.329
Giá vốn khác	127.718.316	334.000.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	200.065.539	10.135.597
<b>Cộng</b>	<b>135.998.655.569</b>	<b>125.596.818.978</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	131.466.086	155.873.503
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	254.177.255	169.073.393
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	8.137
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	40.027	13.409
<b>Cộng</b>	<b>444.483.368</b>	<b>383.768.442</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	607.381.826	1.136.076.151
Chiết khấu thanh toán phải trả	-	416.537.763
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.815	61.736
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	25.199	-
Lỗi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	520.073
<b>Cộng</b>	<b>607.436.840</b>	<b>1.553.195.723</b>

**28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	9.294.764.032	6.971.588.336
Khấu hao TSCĐ	163.841.350	133.559.660
Chi phí vận chuyển	854.175.411	562.527.589
Tiền thuê đất	970.696.008	968.867.844
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	373.890.546	343.949.736
Các khoản khác	1.011.694.603	1.058.115.049
<b>Cộng</b>	<b>12.669.061.950</b>	<b>10.038.608.214</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương, trích theo lương	8.472.201.000	6.588.490.397
Khấu hao TSCĐ	452.904.904	364.865.662
Thù lao HĐQT	518.000.000	254.000.000
Tiền thuê đất	1.183.953.661	1.208.900.220
Các khoản khác	4.425.950.663	3.004.546.396
<b>Cộng</b>	<b>15.053.010.228</b>	<b>11.420.802.675</b>

**29. Thu nhập khác**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	20.000.000
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	15.573.252	12.174.590
Thanh lý công cụ hư hỏng	14.854.545	615.273
Cho thuê mặt bằng	259.259.662	209.545.457
Thu nhập khác	8.469.650	11.041.213
<b>Cộng</b>	<b>298.157.109</b>	<b>253.376.533</b>

**30. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí khác	2.438.231	249.118
<b>Cộng</b>	<b>2.438.231</b>	<b>249.118</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.013.402.266</b>	<b>6.933.177.639</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	9.422.267.396	6.342.796.918
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(1.408.865.130)	590.380.721
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>180.288.399</b>	<b>587.904.344</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	269.391.429	677.015.511
+ Chi phí không được trừ	269.366.230	418.322.122
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.199	-
+ Lỗ tại Công ty liên kết	-	258.693.389
- Các khoản điều chỉnh giảm	89.103.030	89.111.167
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.137
+ Lợi nhuận đã thực hiện	30.303.030	30.303.030
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.193.690.665</b>	<b>7.521.081.983</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	8.034.597.314	6.464.552.428
- Hoạt động khác không được ưu đãi	159.093.351	1.056.529.555
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>835.278.401</b>	<b>857.761.153</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	803.459.731	646.455.242
- Hoạt động khác không được ưu đãi	31.818.670	211.305.911
<b>Thuế TNDN được miễn, giảm (ưu đãi tại Công ty con)</b>	<b>30.636.887</b>	<b>14.869.577</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>804.641.514</b>	<b>842.891.576</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	804.641.514	842.891.576
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.893.654.721	5.924.472.819
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.893.654.721	5.924.472.819
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.217</b>	<b>1.046</b>

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.779.353.668	20.107.683.820
Chi phí nhân công	23.215.055.790	18.614.133.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.013.398.091	1.729.087.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.885.214.523	9.468.136.294
Chi phí khác bằng tiền	3.206.859.830	2.385.763.978
<b>Cộng</b>	<b>61.099.881.902</b>	<b>52.304.805.592</b>

**34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu 2017	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	12.007.741.999	69.032.025.905	91.118.623.616	172.158.391.520
Các khoản giảm trừ	4.678.000	428.416.506	123.932.407	557.026.913
Giá vốn hàng bán	7.656.120.916	45.887.537.963	82.454.996.690	135.998.655.569
Chi phí bán hàng	-	9.207.623.217	3.461.438.733	12.669.061.950
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.534.685.585	8.371.290.142	3.147.034.501	15.053.010.228
Chi phí lãi vay thuần	(84.661.401)	268.540.517	292.036.624	475.915.740
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	56.782.530	256.179.738	312.962.268
Thu nhập khác		15.573.252	282.583.857	298.157.109
Chi phí khác		1.296.713	1.141.518	2.438.231
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>896.918.899</u>	<u>4.939.676.630</u>	<u>2.176.806.737</u>	<u>8.013.402.266</u>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2017</b>				
Phải thu của khách hàng	891.973.143	39.252.679.127	24.077.860.564	64.222.512.834
Hàng tồn kho	339.095.136	38.895.660.376	26.290.616.614	65.525.372.126
Tài sản cố định hữu hình				40.510.393.227
- Tài sản cố định HH của bộ phận	538.217.149	22.162.478.587	-	22.700.695.736
+ Nguyên giá	1.430.786.363	34.270.690.287	-	35.701.476.650
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(892.569.214)	(12.108.211.700)	-	(13.000.780.914)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.809.697.491
+ Nguyên giá	-	-	-	25.810.064.238
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(8.000.366.747)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	21.872.859.631
<b>Tổng Tài sản</b>				<u>192.131.137.818</u>
Phải trả người bán	587.273.261	16.315.197.726	47.623.142.185	64.525.613.172
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	21.955.604.977
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<u>86.481.218.149</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu 2016	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và đ.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	9.033.127.614	59.744.675.611	86.776.474.931	155.554.278.156
Các khoản giảm trừ	149.809.000	153.417.270	86.651.125	389.877.395
Giá vốn hàng bán	6.123.216.329	42.245.903.081	77.227.699.568	125.596.818.978
Chi phí bán hàng	-	6.495.322.539	3.543.285.675	10.038.608.214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.229.021.884	5.947.396.259	3.244.384.532	11.420.802.675
Chi phí lãi vay thuần	(6.011.937)	330.363.769	655.850.816	980.202.648
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	46.253.349	(235.477.982)	(189.224.633)
Thu nhập khác	-	12.174.590	241.201.943	253.376.533
Chi phí khác	-	-	249.118	249.118
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				<b>(258.693.389)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>537.092.338</b>	<b>4.630.700.632</b>	<b>2.024.078.058</b>	<b>6.933.177.639</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2016</b>				
Phải thu của khách hàng	844.154.488	31.213.900.484	600.051.119	32.658.106.091
Hàng tồn kho	127.147.748	31.211.683.445	6.140.005.833	37.478.837.026
Tài sản cố định hữu hình				41.922.056.780
- Tài sản cố định HH của bộ phận	631.104.392	23.466.929.845	456.531.290	24.554.565.527
+ Nguyên giá	1.430.786.363	34.270.690.287	1.144.586.415	36.846.063.065
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(799.681.971)	(10.803.760.442)	(688.055.125)	(12.291.497.538)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	17.367.491.253
+ Nguyên giá	-	-	-	24.154.907.965
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.787.416.712)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	32.144.384.991
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>144.203.384.888</b>
Phải trả người bán	210.688.564	10.787.997.246	5.577.954.928	16.576.640.738
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	21.422.695.319
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>37.999.336.057</b>



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **35. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	499,62	501,27

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	64.525.613.172	-	64.525.613.172
Chi phí phải trả	1.207.000.685	-	1.207.000.685
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	12.468.504.210	-	12.468.504.210
Phải trả khác	564.967.557	-	564.967.557
<b>Cộng</b>	<b>78.766.085.624</b>	<b>-</b>	<b>78.766.085.624</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	16.576.640.738	-	16.576.640.738
Chi phí phải trả	1.860.063.444	-	1.860.063.444
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	9.547.000.000	-	9.547.000.000
Phải trả khác	488.517.557	-	488.517.557
<b>Cộng</b>	<b>28.472.221.739</b>	<b>-</b>	<b>28.472.221.739</b>

Hiện tại, Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	3.580.810.057	-	3.580.810.057
Phải thu khách hàng	64.267.252.081	-	64.267.252.081
Phải thu về cho vay	20.000.000	53.256.950	73.256.950
Đầu tư tài chính	2.109.959.904	490.000.000	2.599.959.904
Phải thu khác	36.291.099	6.000.000	42.291.099
<b>Cộng</b>	<b>70.014.313.141</b>	<b>549.256.950</b>	<b>70.563.570.091</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	15.905.852.717	-	15.905.852.717
Phải thu khách hàng	32.702.845.338	-	32.702.845.338
Phải thu về cho vay	-	36.256.950	36.256.950
Đầu tư tài chính	2.054.900.000	490.000.000	2.544.900.000
Phải thu khác	153.332.735	-	153.332.735
<b>Cộng</b>	<b>50.816.930.790</b>	<b>526.256.950</b>	<b>51.343.187.740</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

### 37. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Mua hàng</b>			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	15.820.800	13.799.100
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK, bìa bao	63.348.375.151	61.721.123.650
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng STK, VHP	140.160.265	278.174.446
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	54.040.000	52.780.000
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng STK, VHP	29.108.340.495	26.449.344.303
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bàn đồ	2.136.320.457	1.973.538.724
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Mua sách	-	6.353.916.800
Công ty CP Sách Dân Tộc	Mua sách	125.670.730	78.752.600
Công ty CP ĐT và PT GD Hà Nội	Mua sách	4.275.941.505	2.226.590
<b>Bán hàng và giao dịch khác</b>			
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	10.238.947.260	5.757.343.713
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách	2.481.082.184	1.266.068.952
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	201.130.676	858.164.060
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	12.444.118.813	5.841.424.720
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Sách, thiết bị	23.047.470	67.463.730
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	646.378.467	868.405.426
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	651.018.669	1.441.441.020
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Sách, thiết bị	3.022.024.075	4.296.823.347
<b>Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Hội đồng quản trị	Thù lao	240.800.000	347.506.472
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	898.355.900	1.090.543.000

**38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**39. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc  
Tư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017